

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định nội dung đánh giá, chấm điểm và bình xét
thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ về
việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ về
việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày
31/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3878/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 378/TTr- SNV ngày
22/02/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung đánh giá,
chấm điểm và bình xét thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số
646/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định nội
dung đánh giá, chấm điểm và bình xét thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh
Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng
các đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua của tỉnh và các cơ quan liên quan chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT TW (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- CQ Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Đơn vị thuộc các Cụm, Khối thi đua (VBĐT);
- TT Công báo; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Khánh Hòa, Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Lưu: VT, TL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

QUY ĐỊNH

Nội dung đánh giá, chấm điểm và bình xét thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về nội dung đánh giá, chấm điểm và bình xét thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh Khánh Hòa, bao gồm: Nguyên tắc chung; Tổ chức, nhiệm vụ của Cụm, Khối thi đua; Nội dung và tiêu chí thi đua; Nguyên tắc và phương pháp chấm điểm; Tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi chung là các đơn vị).

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Không xét đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với các đơn vị vi phạm một trong các nội dung sau:

a) Không đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm tại Cụm, Khối thi đua;

b) Không tham gia Huấn luyện quân sự hàng năm do cơ quan Quân sự địa phương tổ chức;

c) Tập thể, cá nhân (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương) có các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, sai phạm nghiêm trọng trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước theo kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền và bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Các cơ quan, đơn vị, địa phương có kết quả đánh giá, xếp hạng thực hiện Công tác cải cách hành chính, Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh xếp loại Yếu.

d) Chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, Bảo hiểm xã hội.

2. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương) đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

3. Kinh phí từ ngân sách của tỉnh hỗ trợ hoạt động của Cụm, Khối là

10.000.000 đồng/năm (giao đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng quản lý, sử dụng theo quy định).

4. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc, trực thuộc cấp huyện, giao UBND cấp huyện tổ chức, đánh giá, chấm điểm và bình xét thi đua, khen thưởng, đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền và phù hợp với đặc điểm của địa phương.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 4. Tổ chức của Cụm, Khối thi đua

Cụm thi đua có Cụm trưởng, Cụm phó; Khối thi đua có Khối trưởng, Khối phó do các đơn vị thành viên trong Cụm. Khối lựa chọn, giới thiệu luân phiên trong dịp tổng kết năm hoặc do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ định, phân công.

Điều 5. Nhiệm vụ của Cụm, Khối thi đua

1. Cụm trưởng, Khối trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về hoạt động của Cụm, Khối thi đua và có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

b) Xây dựng các tiêu chí thi đua, bảng chấm điểm phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của Cụm, Khối thi đua và các đơn vị thành viên và theo quy định của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

c) Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phối hợp hoạt động giữa các đơn vị thành viên, phát huy sức mạnh tổng hợp và thế mạnh của mỗi đơn vị thành viên; Phối hợp tổ chức các hoạt động chung của Cụm, Khối thi đua và tổ chức giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị thành viên; Bàn các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi đua, khen thưởng; Tuyên truyền và nhân rộng những gương điển hình tiên tiến của các đơn vị trong Cụm, Khối để nêu gương, học tập.

d) Chủ trì việc chấm điểm thi đua cho các đơn vị trong Cụm, Khối thi đua. Phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh đánh giá kết quả công tác của các thành viên trong Cụm, Khối thi đua, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét tặng "Cờ Thi đua của UBND tỉnh", Bằng khen của UBND tỉnh cho các đơn vị trong Cụm, Khối thi đua theo quy định; Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính Phủ tặng "Cờ Thi đua của Chính phủ" cho những tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh.

đ) Chủ trì tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng, Hội nghị trừ bị tổng kết năm và các hoạt động khác của Cụm, Khối.

2. Cụm phó, Khối phó có nhiệm vụ:

a) Phối hợp với Cụm trưởng, Khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch và điều hành hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

b) Thay mặt Cụm trưởng, Khối trưởng giải quyết một số công việc khi

Cụm trưởng, Khối trưởng ủy quyền.

3. Các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua có nhiệm vụ:

a) Đăng ký các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ thi đua gửi Cụm trưởng, Khối trưởng trong quý I hàng năm. Riêng Khối thi đua các trường Đại học, Cao đẳng hoàn thành trong quý III hàng năm.

b) Tham gia xây dựng nội dung và các tiêu chí thi đua, bảng chấm điểm của Cụm thi đua. Tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị.

c) Tham gia đầy đủ và đúng thành phần các hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết giao ước thi đua.

đ) Phát hiện, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua của đơn vị.

e) Tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua 6 tháng đầu năm và cả năm phục vụ sơ kết, tổng kết. Tự chấm điểm thi đua theo Quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua với các nội dung và tiêu chí thi đua đã ký kết và gửi báo cáo kết quả cho Cụm trưởng, Khối trưởng theo đúng quy định.

Điều 6. Hoạt động của Cụm, Khối thi đua

1. Các hoạt động

a) Hội nghị ký kết giao ước thi đua

- Thời gian tổ chức Hội nghị: Trong Quý I hàng năm. Riêng Khối thi đua các trường Đại học, Cao đẳng hoàn thành trong quý III hàng năm.

- Nội dung: Các đơn vị trong Cụm, Khối đăng ký thi đua và ký kết giao ước thi đua.

b) Sơ kết 6 tháng đầu năm

Tùy theo đặc điểm và tình hình cụ thể mà các Cụm, Khối thi đua tiến hành tổ chức sơ kết theo hình thức phù hợp.

- Thời gian sơ kết: Trong tháng 7 hàng năm. Riêng Khối thi đua các trường Đại học, Cao đẳng hoàn thành trong tháng 02 hàng năm.

- Nội dung: Giao lưu, gặp gỡ, học tập các mô hình mới, các điển hình tiên tiến; Đánh giá kết quả thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký trong 6 tháng đầu năm và biện pháp triển khai công tác thi đua, khen thưởng 6 tháng cuối năm để hoàn thành các chỉ tiêu trong năm.

c) Hội nghị trừ bị tổng kết

- Thời gian tổ chức Hội nghị: trước ngày 30 tháng 01 hàng năm. Riêng Khối thi đua các trường Đại học, Cao đẳng hoàn thành trong tháng 8 hàng năm.

- Nội dung: Đánh giá kết quả hoạt động của Cụm, Khối thi đua trong năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tới; Thông báo kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua của các đơn vị thành viên; Bình bầu Cụm trưởng, Cụm phó và Khối trưởng, Khối phó mới.

d) Các hoạt động khác

Căn cứ vào chương trình đề ra trong năm, Cụm, Khối thi đua tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ, hội thao; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội; tập huấn, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ; học tập, trao đổi kinh nghiệm, cách làm hiệu quả... để nâng cao chất lượng hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

2. Thành phần tham dự các hoạt động Cụm, Khối thi đua, gồm có:

- Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phụ trách Cụm, Khối;
- Đại diện lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng;
- Đại diện Lãnh đạo (Thủ trưởng hoặc cấp phó) và cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua.

- Tùy theo nội dung họp có thể mời thêm các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh liên quan đến nội dung chấm điểm thi đua.

Chương III

NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

Điều 7. Nội dung thi đua và số điểm chuẩn quy định

1. Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính (60 điểm);

2. Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị (20 điểm);

3. Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (15 điểm);

4. Nội dung IV: Điểm thưởng (5 điểm);

5. Nội dung V: Điểm trừ (5 điểm).

Điều 8. Bảng chấm điểm thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh:

Theo các Phụ lục đính kèm:

1. Phụ lục 1: Bảng chấm điểm thi đua của Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố;

2. Phụ lục 2: Bảng chấm điểm thi đua của Khối các cơ quan tham mưu của Đảng;

3. Phụ lục 3: Bảng chấm điểm của Khối thi đua UBMTTQVN và các tổ chức - xã hội tỉnh;

4. Phụ lục 4: Bảng chấm điểm của Khối thi đua tổ chức xã hội;

5. Phụ lục 5: Bảng chấm điểm Khối thi đua các Sở, ban, ngành;

6. Phụ lục 6: Bảng chấm điểm của Khối thi đua các Doanh nghiệp;

7. Phụ lục 7: Bảng chấm điểm của Khối thi đua các Trường Đại học, Cao đẳng;

8. Phụ lục 8: Bảng chấm điểm của Khối thi đua các đơn vị Quân đội;

9. Phụ lục 9: Bảng chấm điểm của Khối thi đua các Viện, Phân viện Trung ương.

Chương IV

NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM

Điều 9. Nguyên tắc chấm điểm

1. Đối với các tiêu chí định lượng: Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch của tình giao, cơ quan cấp trên giao cho đơn vị. Thực hiện đạt bao nhiêu phần trăm (%) kế hoạch thì đạt số điểm tương ứng theo điểm chuẩn của tiêu chí đó.

2. Đối với các tiêu chí định tính: Trên cơ sở đăng ký giao ước thi đua, thang điểm và phương pháp chấm điểm đã được Cụm, Khối thi đua thống nhất và ký kết thực hiện trong năm các đơn vị tự chấm điểm.

Điều 10. Phương pháp chấm điểm

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh liên quan đánh giá xếp loại thi đua cho các Phòng chuyên môn và Đoàn thể cấp huyện theo ngành, lĩnh vực mình quản lý gửi Cụm trưởng, Khối trưởng trước ngày 10/01.

2. Trường hợp có nội dung, tiêu chí thi đua chưa được quy định chi đạo, hướng dẫn triển khai hoặc do đặc thù mà không triển khai thì không đánh giá, chấm điểm nội dung, tiêu chí đó. Số điểm của các tiêu chí không đánh giá, chấm điểm sẽ được giảm trừ hoặc bổ sung tiêu chí khác thay thế các tiêu chí không thực hiện.

3. Các đơn vị tự chấm điểm theo các tiêu chí được Cụm, Khối thống nhất gửi Cụm trưởng, Khối trưởng theo quy định.

4. Cụm trưởng, Khối trưởng phối hợp với các cơ quan liên quan (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh...) thẩm định, đánh giá các nội dung quy định tại Điều 3 Quy định này trước khi tổ chức hội nghị trừ bị tổng kết Cụm, Khối.

Cụm trưởng, Khối trưởng tổng hợp, rà soát, trao đổi và thống nhất với các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối. Trường hợp cần thiết thì Cụm trưởng, Khối trưởng tổ chức kiểm tra chéo để đánh giá kết quả và chấm điểm phong trào thi đua cho các đơn vị trong Cụm, Khối.

5. Cụm trưởng, Khối trưởng tổng hợp kết quả chấm điểm và báo cáo về Ban Thi đua - Khen thưởng chậm nhất 03 ngày trước khi tổ chức hội nghị trừ bị tổng kết.

Điều 11. Xếp loại thi đua

1. Cách tính % số điểm của đơn vị như sau:

$\% \text{ số điểm} = \frac{\text{Tổng số điểm đạt được}}{(100 - \text{số điểm giảm trừ, nếu có})} * 100\%$

2. Căn cứ xếp loại thi đua như sau:

- Đơn vị đạt từ 90% số điểm trở lên: xếp loại Xuất sắc.
- Đơn vị đạt từ 80% đến dưới 90% số điểm: xếp loại Tốt.
- Đơn vị đạt từ 70% đến dưới 80% số điểm: xếp loại Khá.
- Đơn vị đạt từ 60% đến dưới 70% số điểm: xếp loại Trung bình.

- Đơn vị đạt dưới 60% số điểm: xếp loại Yếu.

Điều 12. Bình xét thi đua

1. Quy định số lượng đơn vị được bình chọn, đề nghị khen thưởng như sau:

a) UBND tỉnh tặng danh hiệu “Cờ Thi đua của UBND tỉnh” và Bằng khen cho 50% số đơn vị của mỗi Cụm, Khối thi đua.

Đơn vị của Cụm hoặc Khối được đề nghị tặng Bằng khen hoặc Cờ thi đua phải là đơn vị xếp loại Tốt trở lên (đạt từ 80% số điểm đến trở lên).

b) Mỗi Cụm, Khối thi đua chọn 01 đơn vị dẫn đầu với số điểm cao nhất để đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” (trừ các đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương), “Cờ thi đua của UBND tỉnh”. Nếu Cụm, Khối thi đua có từ 02 đơn vị trở lên có điểm cao nhất bằng nhau sẽ tiến hành bỏ phiếu kín để chọn đơn vị dẫn đầu. Đơn vị dẫn đầu đủ tiêu chuẩn sẽ được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

c) Tặng Bằng khen của UBND tỉnh cho các đơn vị có số điểm liền kề sau đơn vị được tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” trong mỗi Cụm, Khối thi đua theo đúng số lượng quy định. Nếu Cụm, Khối thi đua có từ 02 đơn vị trở lên có điểm cao bằng nhau sẽ tiến hành bỏ phiếu để chọn đơn vị đề nghị tặng Bằng khen theo đúng số lượng quy định.

2. Trong vòng 07 ngày tính từ ngày kết thúc Hội nghị trừ bị tổng kết, Cụm trưởng, Khối trưởng tổng hợp kết quả bình xét thi đua, gửi báo cáo và tiến hành các thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị tặng “Cờ Thi đua của Chính phủ”; “Cờ thi đua của UBND tỉnh” và Bằng khen (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

3. Căn cứ kết quả bình xét của Cụm, Khối thi đua, Ban Thi đua - Khen thưởng tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu cần thiết), tổng hợp báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, Bằng khen cho các đơn vị trong Cụm, Khối thi đua và xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy định này. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

Điều 14. Căn cứ Quy định này, Cụm, Khối thi đua xây dựng Quy chế hoạt động của Cụm, Khối và bảng chấm điểm thi đua cho phù hợp. Cụm, Khối thi đua cụ thể hóa hoặc bổ sung một số tiêu chí thi đua cho phù hợp với đặc thù của Cụm, Khối thi đua, nhưng không vượt quá 30% số tiêu chí đã quy định trong từng nội dung. Việc cụ thể hóa nội dung, phân chia bảng điểm không được vượt quá tổng số điểm đã quy định cho mỗi nội dung thi đua và phải được các thành viên trong Cụm, Khối thi đua thảo luận dân chủ, thống nhất để làm căn cứ chấm điểm và bình xét thi đua hàng năm.

Điều 15. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu gặp vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
L.Đ. Đức Vinh

Phụ lục 1

Bảng chấm điểm thi đua của Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính | Đơn vị tính | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Cụm chấm |
|----|--|-------------|------------|--------------|---------------|
| 1 | Tổng thu ngân sách trên địa bàn | Tỷ đồng | 10 | | |
| 2 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới | % | 2 | | |
| 3 | Số lao động có việc làm tăng thêm trong năm | Người | 2 | | |
| 4 | Giảm tỷ suất sinh | ‰ | 2 | | |
| 5 | Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới | % | 2 | | |
| 6 | Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia trong năm | % | 2 | | |
| 7 | Đánh giá xếp hạng cải cách hành chính | Xếp loại | 10 | | |
| a | Xếp loại tốt | | 10 | | |
| b | Xếp loại khá | | 7 | | |
| 8 | Đánh giá xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin | Xếp loại | 3 | | |
| a | Xếp loại tốt | | 3 | | |
| b | Xếp loại khá | | 2 | | |
| c | Xếp loại trung bình | | 1 | | |
| 9 | Công tác chăm sóc sức khỏe y tế | Xếp loại | 3 | | |
| a | Xếp loại tốt | | 3 | | |
| b | Xếp loại khá | | 2 | | |
| c | Xếp loại trung bình | | 1 | | |
| d | Xếp loại yếu | | 0 | | |
| 10 | Công tác giáo dục đào tạo | Xếp loại | 3 | | |
| a | Xếp loại Xuất sắc | | 3 | | |
| b | Xếp loại Khá | | 2 | | |
| c | Xếp loại Trung bình | | 1 | | |
| d | Xếp loại Yếu | | 0 | | |
| 11 | Nhiệm vụ công tác bảo vệ khoáng sản | Xếp loại | 3 | | |
| a | Xếp loại Tốt | | 3 | | |
| b | Xếp loại Khá | | 2 | | |
| c | Xếp loại Trung bình | | 1 | | |
| 12 | Công tác Văn thư, lưu trữ | | 2 | | |
| a | Xếp loại Tốt | | 2 | | |
| b | Xếp loại Khá | | 1,5 | | |
| c | Xếp loại trung bình | | 1 | | |
| d | Xếp loại yếu | | 0 | | |
| 13 | Công tác tuyên truyền và quân sự địa phương | Xếp loại | 4 | | |
| a | Xếp loại dẫn đầu | | 4 | | |
| b | Xếp loại khá | | 3 | | |
| c | Xếp loại trung bình | | 2 | | |
| d | Xếp loại yếu | | 0 | | |
| 14 | Công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội | Xếp loại | 3 | | |
| a | Xếp loại Tốt | | 3 | | |
| b | Xếp loại Khá | | 2 | | |
| c | Xếp loại Trung bình | | 1 | | |
| d | Xếp loại Yếu | | 0 | | |
| 15 | Thực hiện an toàn giao thông | Xếp loại | 3 | | |
| a | Xếp loại Tốt | | 3 | | |
| b | Xếp loại Khá | | 2 | | |
| c | Xếp loại Trung bình | | 1 | | |
| d | Xếp loại Yếu | | 0 | | |
| 16 | Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí | Xếp loại | 3 | | |

| | | | | | |
|------------------------------|---|----------|-------------------|---------------------|----------------------|
| a | Xếp loại Tốt | | 3 | | |
| b | Xếp loại Khá | | 2 | | |
| c | Xếp loại Trung bình | | 1 | | |
| d | Xếp loại Yếu | | 0 | | |
| 17 | Phòng, chống tham nhũng và giải quyết đơn thư | Xếp loại | 3 | | |
| a | Xếp loại Tốt | | 3 | | |
| b | Xếp loại Khá | | 2 | | |
| c | Xếp loại Trung bình | | 1 | | |
| d | Xếp loại Yếu | | 0 | | |
| Tổng điểm nội dung I | | | 60 | | |
| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Cựm chấm |
| 1 | Tô chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | | 1 | | |
| 2 | Tô chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | | 2 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | | 3 | | |
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng chính đơn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ | | 2 | | |
| 5 | Ủy ban Mặt trận TQVN huyện, thị xã, thành phố đạt: - Xuất sắc - Vững mạnh - Khá | | 2 1 0,5 | | |
| 6 | Đoàn TNCS huyện, thị xã, thành phố đạt: - Xuất sắc toàn diện - Xuất sắc - Tiên tiến | | 2 1 0,5 | | |
| 7 | Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, thị xã, thành phố đạt: - Xuất sắc - Vững mạnh - Khá | | 2 1 0,5 | | |
| 8 | Hội Cựu chiến binh huyện, thị xã, thành phố đạt: - Xuất sắc - Vững mạnh - Khá | | 2 1 0,5 | | |
| 9 | Hội Nông dân huyện, thị xã, thành phố đạt: - Xuất sắc - Vững mạnh - Khá | | 2 1 0,5 | | |
| 10 | Liên đoàn lao động huyện, thị xã, thành phố đạt: - Tốt - Khá - Trung bình | | 2 1 0,5 | | |
| Tổng điểm nội dung II | | | 20 | | |
| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Cựm chấm |
| 1 | Xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | | 4 | | |
| a | Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. | | 1 | | |
| b | Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng. | | 1 | | |

| | | | | | |
|-------------------------------|---|------------|--------------------|---------------------|----------------------|
| c | Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TDKT tại đơn vị. | 1 | | | |
| d | Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tại đơn vị. | 1 | | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | | |
| a | Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động và các phong trào thi đua do sở, ban, ngành, UBMT Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phát động | 0,5 | | | |
| b | Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" | 0,5 | | | |
| c | Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động Cụm | 0,5 | | | |
| d | Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua. | 0,5 | | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | | |
| a | Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến. - Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm). - Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền (0,5 điểm). | 1 | | | |
| b | Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mời các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của tại đơn vị, trên báo đài... | 1 | | | |
| 4 | Công tác khen thưởng | 3 | | | |
| a | Thẩm định hồ sơ khen thưởng đúng quy định pháp luật. - 100% hồ sơ trình cấp Nhà nước, cấp tỉnh được duyệt: 1,5 điểm. - Có từ dưới 10% hồ sơ trình cấp Nhà nước, cấp tỉnh bị trả lại do không thực hiện đúng theo quy định: 1 điểm. - Có từ 10-15% hồ sơ trình cấp Nhà nước, cấp tỉnh bị trả lại do không thực hiện đúng theo quy định: 0,5 điểm. - Có từ 16% hồ sơ trở lên trình cấp Nhà nước, cấp tỉnh bị trả lại do không thực hiện đúng theo quy định: 0 điểm. | 1,5 | | | |
| b | Có tỷ lệ khen thưởng cho người lao động trực tiếp (công nhân, nông dân, chiến sĩ...) bằng hình thức khen cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng so với năm trước (cấp cơ sở 50% trở lên, cấp tỉnh 30% trở lên). | 1 | | | |
| c | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh khen thưởng về thành tích đột xuất. | 0,5 | | | |
| 5 | Công tác kiểm tra về thi đua, khen thưởng | 1 | | | |
| a | Có xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | | |
| b | Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng | 0,5 | | | |
| 6 | Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng. | 1 | | | |
| a | Có bố trí công chức làm công tác thi đua, khen thưởng cấp huyện, kiêm nhiệm cấp xã theo quy định. | 0,5 | | | |
| b | Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt hội dương, tập huấn về công tác thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | | |
| 7 | Chế độ thông tin báo cáo | 2 | | | |
| a | Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định | 1 | | | |
| b | Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định. | 1 | | | |
| Tổng điểm nội dung III | | 15 | | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | ĐVT | Điểm thưởng | Điểm tự chấm | Điểm Cụm chấm |
| 1 | Thưởng cho đơn vị Cụm trưởng, Cụm phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua. - Đơn vị Khối trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khối phó (0,5 điểm) | | 1 | | |
| 2 | Tùy tình hình các đơn vị thành viên trong Cụm thống nhất, để đưa ra các tiêu chí phù hợp tính số điểm thưởng còn lại (tổng số điểm thưởng không được quá 5 điểm) | | | | |

| Tổng điểm nội dung IV | | | 5 | | |
|-----------------------------|--|-----|----------|--------------|---------------|
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | ĐVT | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Cụm chấm |
| 1 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Cụm thi đua có lãnh đạo chủ chốt (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương) bị hình thức kỷ luật Khiển trách trở lên. | | 1 | | |
| 2 | Tùy tình hình các đơn vị thành viên trong Cụm thống nhất, để đưa ra các tiêu chí phù hợp tính số điểm trừ còn lại (tổng số điểm trừ không được quá 5 điểm) | | | | |
| Tổng điểm nội dung V | | | 5 | | |
| Tổng cộng | | | | | |

Phụ lục 2

Bảng chấm điểm thi đua của Khối các cơ quan tham mưu của Đảng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng- an ninh, cải cách hành chính | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
|------------------------------|--|------------|--------------|----------------|
| 1 | Thực hiện và hoàn thành tốt công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo nhiệm vụ được giao. | 10 | | |
| 2 | Xây dựng và ban hành kịp thời các văn bản đề cụ thể hóa các chủ trương, quyết định, quy định của TW, của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo nhiệm vụ được giao. | 10 | | |
| 3 | Tổ chức các phong trào thi đua thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước | 9 | | |
| 4 | Có sáng kiến, giải pháp công tác hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ. | 9 | | |
| 5 | Qua tâm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ nâng cao chuyên môn, đạt chuẩn theo yêu cầu chức danh công tác. | 8 | | |
| 6 | Thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hiệu quả. | 8 | | |
| 7 | Thực hiện đúng công tác tài chính, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí. | 6 | | |
| Tổng điểm nội dung I | | 60 | | |
| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | 3 | | |
| 2 | Tổ chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | 3 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định.</i> | 2 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 2 | | |
| c | <i>Tổ chức gặp mặt biểu dương gương điển hình tiên tiến hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 1 | | |
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định.</i> | 3 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII)</i> | 2 | | |
| 5 | Tổ chức Công đoàn | 2 | | |
| a | <i>Xếp loại vững mạnh</i> | 2 | | |
| b | <i>Xếp loại khá</i> | 1 | | |
| 6 | Tổ chức Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 2 | | |
| a | <i>Xếp loại vững mạnh, xuất sắc.</i> | 2 | | |
| b | <i>Xếp loại vững mạnh</i> | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung II | | 20 | | |

| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
|-------------------------------|---|--------------------|--------------------|----------------------|
| 1 | Xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | 4 | | |
| a | Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| b | Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| c | Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT tại đơn vị. | 1 | | |
| d | Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tại đơn vị | 1 | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | |
| a | Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do các ngành Trung ương, tỉnh phát động | 0,5 | | |
| b | Tham gia thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" | 0,5 | | |
| c | Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động Khối. | 0,5 | | |
| d | Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua. | 0,5 | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | |
| a | Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến. - Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm). - Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền (0,5 điểm). | 1 | | |
| b | Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mở các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của Tỉnh ủy, trên báo đài... | 1 | | |
| 4 | Công tác khen thưởng | 3 | | |
| a | Có tỷ lệ khen thưởng cho người trực tiếp lao động: công chức, viên chức không làm công tác quản lý bằng hình thức khen cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng so với năm trước (cấp cơ sở 50% trở lên, cấp tỉnh 30% trở lên). | 1,5 | | |
| b | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh, bộ, ngành khen thưởng về thành tích đột xuất. | 1,5 | | |
| 5 | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng | 1 | | |
| 6 | Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng. | 1 | | |
| a | Có tổ chức bộ máy hoặc bố trí công chức làm công tác thi đua, khen thưởng theo quy định. | 0,5 | | |
| b | Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt tập huấn về công tác thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | |
| 7 | Chế độ thông tin báo cáo | 2 | | |
| a | Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định | 1 | | |
| b | Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định. | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung III | | 15 | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | Điểm thườn g | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Thưởng các đơn vị có xây dựng, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua riêng của đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Thưởng cho các đơn vị làm tốt công tác giới thiệu mô hình, phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến được tỉnh, bộ, ngành tặng bằng khen hoặc được đăng trên Công thông tin điện tử của tỉnh, bộ, ngành, Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa. | 1 | | |

| | | | | |
|------------------------------|---|-----------------|---------------------|-----------------------|
| 3 | Thường cho các đơn vị có tỷ lệ về khen thưởng cấp tỉnh và tương đương cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý cao hơn so với năm trước (bao gồm cả khen thưởng đột xuất, chuyên đề, thường xuyên) | 1 | | |
| 4 | Thường cho đơn vị có cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" và tương đương trở lên hoặc có tập thể, cá nhân được khen thưởng Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen Chính phủ trở lên (tính thời điểm ký Quyết định). | 1 | | |
| 5 | Thường cho đơn vị Khối trưởng, Khối phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua. - Đơn vị Khối trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khối phó (0,5 điểm) | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung IV | | 5 | | |
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |
| 1 | Trừ điểm đối với các đơn vị không tham gia hoạt động của Khối thi đua. | 1 | | |
| 2 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua có công chức, viên chức (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương) bị hình thức kỷ luật Khiển trách trở lên. | 2 | | |
| 3 | Trừ điểm các đơn vị về thực hiện không tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở (theo đánh giá xếp loại của cơ quan có thẩm quyền). | 1 | | |
| 4 | Trừ điểm đối với các đơn vị thực hiện việc báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng chậm so với quy định. | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung V | | 5 | | |
| Tổng cộng | | | | |

Phụ lục 3

Bảng chấm điểm của Khối thi đua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
|-----------------------------|--|------------|--------------|----------------|
| 1 | Thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong năm trong năm. | 10 | | |
| 2 | Thực hiện tốt công tác xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp các đoàn thể, hội viên, quần chúng nhân dân tham gia vào các phong trào thi đua, các hoạt động do đơn vị phát động. | 10 | | |
| 3 | Kết quả xây dựng các văn bản, chuyên đề, dự án hoặc đề án phục vụ xây dựng các chu trương, các giải pháp lớn của tỉnh thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách hoặc phục vụ yêu cầu chỉ đạo của cấp trên. | 10 | | |
| 4 | Công tác vận động quần chúng; Giải pháp đổi mới công tác vận động quần chúng và củng cố, phát huy vai trò các thành viên, tổ chức thành viên. | 15 | | |
| a | Thực hiện tốt công tác vận động quần chúng. | 8 | | |
| b | Có giải pháp đổi mới công tác vận động quần chúng và củng cố, phát huy vai trò các thành viên, tổ chức thành viên. | 7 | | |
| 5 | Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị. | 8 | | |
| a | Kết quả sắp xếp, tinh giản bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, xây dựng và quản lý đội ngũ công chức. | 1 | | |
| b | Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. | 1 | | |
| c | Kết quả quản lý sử dụng ngân sách, công tác quản lý tài sản công. | 1 | | |
| d | Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên. | 1 | | |
| đ | Hoạt động thống kê, cập nhật tình hình, số liệu kịp thời theo quy định và theo yêu cầu chỉ đạo của cấp trên và ngành thống kê. | 1 | | |
| e | Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của cấp trên. | 1 | | |
| g | Có triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị. | 1 | | |
| h | Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa | 1 | | |
| 6 | Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, lưu trữ, trích lục hồ sơ, tài liệu; công tác chuyên và nhận văn bản giữa các đơn vị theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các quy trình công tác và liên thông đến các tập thể có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị. | 7 | | |
| Tổng điểm nội dung I | | 60 | | |
| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | 4 | | |
| 2 | Tổ chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | 4 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 5 | | |
| a | Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định | 2 | | |

| | | | | |
|------------------------------|---|-------------------|---------------------|-----------------------|
| b | Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 2 | | |
| c | Tổ chức gặp mặt biểu dương gương điển hình tiên tiến hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 1 | | |
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. | 5 | | |
| a | Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định. | 3 | | |
| b | Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) | 2 | | |
| 5 | Tổ chức Công đoàn. | 2 | | |
| a | Xếp loại vững mạnh. | 2 | | |
| b | Xếp loại khá | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung II | | 20 | | |
| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | 4 | | |
| a | Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| b | Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| c | Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT tại đơn vị. | 1 | | |
| d | Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tại đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | |
| a | Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do các ngành Trung ương, tỉnh phát động | 0,5 | | |
| b | Tham gia thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" | 0,5 | | |
| c | Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động Khối | 0,5 | | |
| d | Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua. | 0,5 | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | |
| a | Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến. - Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm). - Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền (0,5 điểm). | 1 | | |
| b | Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mở các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của tại đơn vị, trên báo đài... | 1 | | |
| 4 | Công tác khen thưởng | 3 | | |
| a | Có tỷ lệ khen thưởng cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý bằng hình thức khen cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng so với năm trước (cấp cơ sở 50% trở lên, cấp tỉnh 30% trở lên). | 1,5 | | |
| b | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh, bộ, ngành khen thưởng về thành tích đột xuất. | 1,5 | | |
| 5 | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng | 1 | | |

| | | | | |
|-------------------------------|---|--------------------|---------------------|-----------------------|
| 6 | Tổ chức bộ máy công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng. | 1 | | |
| a | Cố bố trí cán bộ làm thi đua, khen thưởng theo quy định. | 0,5 | | |
| b | Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt tập huấn, bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | |
| 7 | Chế độ thông tin báo cáo | 2 | | |
| a | Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định | 1 | | |
| b | Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định. | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung III | | 15 | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | Điểm thưởng | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Thưởng các đơn vị có xây dựng, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua riêng của đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Thưởng cho các đơn vị làm tốt công tác giới thiệu mô hình, phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến được tỉnh, bộ, ngành tặng bằng khen hoặc được đăng trên Công thông tin điện tử của tỉnh, bộ, ngành, Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa. | 1 | | |
| 3 | Thưởng cho các đơn vị có tỷ lệ về khen thưởng cấp tỉnh và tương đương cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý cao hơn so với năm trước (bao gồm cả khen thưởng đột xuất, chuyên đề, thường xuyên) | 1 | | |
| 4 | Thưởng cho đơn vị có cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" và tương đương trở lên hoặc có tập thể, cá nhân được khen thưởng Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen Chính phủ trở lên (tính thời điểm ký Quyết định). | 1 | | |
| 5 | Thưởng cho đơn vị Khối trưởng, Khối phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua. - Đơn vị Khối trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khối phó (0,5 điểm) | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung IV | | 5 | | |
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Trừ điểm đối với các đơn vị không tham gia hoạt động của Khối thi đua. | 1 | | |
| 2 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua có công chức, viên chức (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương) bị hình thức kỷ luật Khiển trách trở lên. | 2 | | |
| 3 | Trừ điểm đối với các đơn vị thực hiện việc báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng chậm so với quy định. | 1 | | |
| 4 | Trừ điểm các đơn vị về thực hiện không tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở (theo đánh giá xếp loại của cơ quan có thẩm quyền). | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung V | | 5 | | |
| Tổng cộng | | | | |

Phụ lục 4

Bảng chấm điểm của Khôi thi đua các tổ chức xã hội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |
|-----------|--|-------------------|---------------------|-----------------------|
| 1 | Thường xuyên củng cố về mặt tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh. | 10 | | |
| 2 | Thực hiện đổi mới phương thức hoạt động để tổ chức, xây dựng được các phong trào thi đua của đơn vị, các tổ chức thành viên trong phong trào chung của tỉnh. | 10 | | |
| 3 | Kết quả phát triển hội viên mới và đánh giá, phân loại tổ chức, các hội trong năm. | 10 | | |
| 4 | Các giải pháp, chương trình, đúc kết các thực tiễn đã thực hiện để nâng cao chất lượng, đưa hoạt động của các tổ chức xã hội và các hội nghề nghiệp đi vào nền nếp và đạt hiệu quả thiết thực. | 10 | | |
| 5 | Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh. | 10 | | |
| 6 | Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của UBND tỉnh. | 10 | | |
| | Tổng điểm nội dung I | 60 | | |
| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |
| 1 | Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | 5 | | |
| 2 | Tổ chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | 5 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định</i> | 2 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 2 | | |
| c | <i>Tổ chức gặp mặt biểu dương gương điển hình tiên tiến hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 1 | | |
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định.</i> | 3 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII)</i> | 2 | | |
| | Tổng điểm nội dung II | 20 | | |
| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |

| | | | | |
|-------------------------------|---|--------------------|---------------------|-----------------------|
| 1 | Xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | 4 | | |
| a | Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| b | Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| c | Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT tại đơn vị. | 1 | | |
| d | Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tại đơn vị | 1 | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | |
| a | Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động và các phong trào thi đua do sở, ban, ngành, UBMT Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phát động | 0,5 | | |
| b | Tham gia đóng góp, tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" | 0,5 | | |
| c | Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động trong Khối. | 0,5 | | |
| d | Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua. | 0,5 | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | |
| a | Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến. - Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm). - Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu hiệu được hiệu dương, tuyên truyền (0,5 điểm). | 1 | | |
| b | Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mời các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của tại đơn vị, trên báo đài... | 1 | | |
| 4 | Công tác khen thưởng | 3 | | |
| a | Có tỷ lệ khen thưởng cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý bằng hình thức khen cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng so với năm trước (cấp cơ sở 50% trở lên, cấp tỉnh 30% trở lên). | 1,5 | | |
| b | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh, bộ, ngành khen thưởng về thành tích đột xuất. | 1,5 | | |
| 5 | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng | 1 | | |
| 6 | Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng. | 1 | | |
| a | Có bố trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | |
| b | Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt tập huấn, bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | |
| 7 | Chế độ thông tin báo cáo | 2 | | |
| a | Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định | 1 | | |
| b | Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định. | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung III | | 15 | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | Điểm thưởng | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Thưởng các đơn vị có xây dựng, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua riêng của đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Thưởng cho các đơn vị làm tốt công tác giới thiệu mô hình, phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến được tỉnh, bộ, ngành tặng bằng khen hoặc được đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, | 1 | | |

| | | | | |
|-----------|---|-----------------|---------------------|-----------------------|
| | bộ, ngành. Báo Khánh Hòa. Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa. | | | |
| 3 | Thưởng cho các đơn vị có tỷ lệ về khen thưởng cấp tỉnh và tương đương cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý cao hơn so với năm trước (bao gồm cả khen thưởng đột xuất, chuyên đề, thường xuyên) | 1 | | |
| 4 | Thưởng cho đơn vị có cá nhân được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và tương đương trở lên hoặc có tập thể, cá nhân được khen thưởng Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen Chính phủ trở lên (tính thời điểm ký Quyết định). | 1 | | |
| 5 | Thưởng cho đơn vị Khối trưởng, Khối phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua. - Đơn vị Khối trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khối phó (0,5 điểm) | 1 | | |
| | Tổng điểm nội dung IV | 5 | | |
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Trừ điểm đối với các đơn vị không tham gia hoạt động của Khối thi đua. | 1 | | |
| 2 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua có công chức, viên chức (Trường phòng, Phó Trường phòng và tương đương) bị hình thức kỷ luật Khiển trách trở lên. | 2 | | |
| 3 | Trừ điểm đối với các đơn vị thực hiện việc báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng chậm so với quy định. | 1 | | |
| 4 | Trừ điểm các đơn vị về thực hiện không tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở (theo đánh giá xếp loại của cơ quan có thẩm quyền). | 1 | | |
| | Tổng điểm nội dung V | 5 | | |
| | Tổng cộng | | | |

Phụ lục 5

Bảng chấm điểm Khổi thi đua các Sở, ban, ngành

(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khổi chấm |
|-----------------------------|--|------------|--------------|----------------|
| 1 | Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch do Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh, Bộ, ban, ngành TW giao hoặc kế hoạch do Sở, ban, ngành xây dựng và đã đăng ký thi đua tại các Khối thi đua. | 10 | | |
| 2 | Kết quả công tác quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách, công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực Sở, ban, ngành phụ trách. | 10 | | |
| 3 | Thực hiện tốt việc quản lý sử dụng ngân sách, công tác quản lý tài sản công. | 4 | | |
| 4 | - Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh; Hoạt động thống kê, cập nhật tình hình, số liệu kịp thời theo quy định và theo yêu cầu chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh và ngành thống kê. | 4 | | |
| | - Đối với các đơn vị bị UBND tỉnh nhắc việc từ 10% số việc trở lên (căn cứ thông báo kết quả nhắc việc của UBND tỉnh trong năm). | 3 | | |
| 5 | Thực hiện tốt việc triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị. | 4 | | |
| 6 | Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa. | 4 | | |
| 7 | Thực hiện tốt việc triển khai, tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại đơn vị. | 4 | | |
| 8 | Đánh giá xếp hạng cải cách hành chính (xếp loại Tốt: 10 điểm, Khá: 7 điểm). | 10 | | |
| 9 | Đánh giá xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin (xếp loại Tốt: 5 điểm, Khá: 4 điểm, Trung bình: 3 điểm). | 5 | | |
| 10 | Công tác Văn thư, lưu trữ (xếp loại Tốt: 2 điểm, Khá: 1,5 điểm, Trung bình: 1 điểm, Yếu: 0 điểm) | 2 | | |
| 11 | Nhiệm vụ công tác bảo vệ khoáng sản (xếp loại Tốt: 3 điểm, Khá: 2 điểm, Trung bình: 1 điểm) | 3 | | |
| Tổng điểm nội dung I | | 60 | | |
| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khổi chấm |
| 1 | Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | 3 | | |
| 2 | Tổ chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | 3 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 5 | | |
| a | Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định | 2 | | |
| b | Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 2 | | |
| c | Tổ chức gặp mặt biểu dương gương điển hình tiên tiến hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh | 1 | | |

| | | | | |
|------------------------------|---|-------------------|---------------------|-----------------------|
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. | 5 | | |
| a | Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định. | 3 | | |
| b | Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) | 2 | | |
| 5 | Tổ chức Công đoàn | 2 | | |
| a | Xếp loại Tốt hoặc Vững mạnh | 2 | | |
| b | Xếp loại Khá | 1 | | |
| 6 | Tổ chức Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 2 | | |
| a | Xếp loại vững mạnh, xuất sắc. | 2 | | |
| b | Xếp loại vững mạnh | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung II | | 20 | | |
| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | 4 | | |
| a | Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| b | Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| c | Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT tại đơn vị. | 1 | | |
| d | Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tại đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | |
| a | Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động và các phong trào thi đua do sơ, ban, ngành, UBMT Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phát động | 0,5 | | |
| b | Tham gia đóng góp, tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" | 0,5 | | |
| c | Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động trong Khối. | 0,5 | | |
| d | Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua. | 0,5 | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | |
| a | Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến. - Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm). - Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền (0,5 điểm). | 1 | | |
| b | Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mô các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của tại đơn vị, trên báo đài ... | 1 | | |
| 4 | Công tác khen thưởng | 3 | | |
| a | Có tỷ lệ khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công chức, viên chức không làm công tác quản lý bằng hình thức khen cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng so với năm trước (cấp cơ sở 50% trở lên, cấp tỉnh 30% trở lên). | 1,5 | | |
| b | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh, bộ, ngành khen thưởng về | 1,5 | | |

| | | | | |
|-----------|---|--------------------|---------------------|-----------------------|
| | <i>thành tích đột xuất.</i> | | | |
| 5 | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng | 1 | | |
| 6 | Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng. | 1 | | |
| a | Có tổ chức bộ máy hoặc bố trí công chức làm công tác thi đua, khen thưởng theo quy định. | 0,5 | | |
| b | Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt tập huấn, bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | |
| 7 | Chế độ thông tin báo cáo | 2 | | |
| a | Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định | 1 | | |
| b | Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định. | 1 | | |
| | Tổng điểm nội dung III | 15 | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | Điểm thưởng | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |
| 1 | Thưởng các đơn vị có xây dựng, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua riêng của đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Thưởng cho các đơn vị làm tốt công tác giới thiệu mô hình, phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến được tỉnh, bộ, ngành tặng bằng khen hoặc được đăng trên Công thông tin điện tử của tỉnh, bộ, ngành, Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa. | 0,5 | | |
| 3 | Thưởng cho các đơn vị có tỷ lệ về khen thưởng cấp tỉnh và tương đương cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý cao hơn so với năm trước (bao gồm cả khen thưởng đột xuất, chuyên đề, thường xuyên) | 1 | | |
| 4 | Thưởng cho các đơn vị có đề tài/ đề án nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên đã được nghiệm thu và có Quyết định phê duyệt kết quả đề tài, đề án; Hoặc có triển khai tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên. | 0,5 | | |
| 5 | Thưởng cho đơn vị có cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" và tương đương trở lên hoặc có tập thể, cá nhân được khen thưởng Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen Chính phủ trở lên (tính thời điểm ký Quyết định). | 1 | | |
| 6 | Thưởng cho đơn vị Khôi trưởng, Khôi phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khôi thi đua. - Đơn vị Khôi trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khôi phó (0,5 điểm) | 1 | | |
| | Tổng điểm nội dung IV | 5 | | |
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |
| 1 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khôi thi đua có công chức, viên chức (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương) bị hình thức kỷ luật Khiển trách trở lên.. | 2 | | |
| 2 | Trừ điểm các đơn vị về thực hiện không tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở (theo đánh giá xếp loại của cơ quan có thẩm quyền). | 1 | | |
| 3 | Trừ điểm các đơn vị về thực hiện không tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (theo đánh giá xếp loại của cơ quan có thẩm quyền). | 1 | | |
| 4 | Trừ điểm đối với các đơn vị không tham gia hoạt động của Khôi thi đua. | 0,5 | | |
| 5 | Đơn vị thực hiện việc báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng chậm so với quy định | 0,5 | | |
| | Tổng điểm nội dung V | 5 | | |
| | Tổng cộng | | | |

Phụ lục 6
Bảng điểm của Khối thi đua các Doanh nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 18 tháng 1 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
|-----------------------------|---|------------|--------------|----------------|
| 1 | Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh so với kế hoạch và so với năm trước | 30 | | |
| a | Nộp ngân sách Nhà nước. | 12 | | |
| b | Tổng lợi nhuận. | 13 | | |
| c | Tốc độ tăng trưởng của đơn vị so với kế hoạch và so với năm trước (qua số liệu về giá trị sản xuất, doanh thu, kim ngạch xuất nhập khẩu...) | 5 | | |
| 2 | Đổi mới phát triển sản xuất kinh doanh | 8 | | |
| a | Đổi mới công tác tổ chức quản lý, sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có). | 2 | | |
| b | Đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ mới (tổng vốn đầu tư so với kế hoạch, so với năm trước). | 2 | | |
| c | Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và bảo vệ môi trường. | 2 | | |
| d | Xây dựng phong trào phát huy sáng kiến kỹ thuật, cải tiến phương pháp phục vụ, bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi sinh môi trường. | 2 | | |
| 3 | Chăm lo cho người lao động: thu nhập bình quân của người lao động so với năm trước, thực hiện tốt Luật Lao động. | 4 | | |
| 4 | Tham gia các hoạt động từ thiện xã hội do tỉnh, địa phương và ngành phát động. | 4 | | |
| 5 | Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị | 6 | | |
| a | Kết quả công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ. | 1 | | |
| b | Tình hình quản lý và sử dụng tài sản công. | 1 | | |
| c | Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở các đơn vị và yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh | 1 | | |
| d | Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của UBND tỉnh. | 1 | | |
| đ | Có triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị. | 1 | | |
| e | Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa. | 1 | | |
| 6 | Có triển khai biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường. Vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có). | 5 | | |
| 7 | Có triển khai, tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại đơn vị. | 3 | | |
| Tổng điểm nội dung I | | 60 | | |
| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | 3 | | |
| 2 | Tổ chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | 3 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 5 | | |
| a | Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định | 2 | | |
| b | Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về học tập và làm | | | |

| | | | | |
|------------------------------|---|-------------------|---------------------|-----------------------|
| | theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 2 | | |
| c | Tổ chức gặp mặt biểu dương gương điển hình tiên tiến hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 1 | | |
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. | 5 | | |
| a | Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định. | 3 | | |
| b | Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) | 2 | | |
| 5 | Tổ chức Công đoàn | 2 | | |
| a | Xếp loại vững mạnh. | 2 | | |
| b | Xếp loại khá | 1 | | |
| 6 | Tổ chức Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 2 | | |
| a | Xếp loại vững mạnh, xuất sắc. | 2 | | |
| b | Xếp loại vững mạnh | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung II | | 20 | | |
| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khỏi chấm |
| 1 | Xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | 4 | | |
| a | Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| b | Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| c | Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT tại đơn vị. | 1 | | |
| d | Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tại đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | |
| a | Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động và các phong trào thi đua do sở, ban, ngành, UBMT Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phát động | 0,5 | | |
| b | Tham gia đóng góp, tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" | 0,5 | | |
| c | Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động trong Khối. | 0,5 | | |
| d | Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua. | 0,5 | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | |
| a | Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến. - Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm). - Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền (0,5 điểm). | 1 | | |
| b | Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mở các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của tại đơn vị, trên báo đài... | 1 | | |
| 4 | Công tác khen thưởng | 3 | | |
| a | Có tỷ lệ khen thưởng cho người trực tiếp lao động, viên chức không làm công tác quản lý bằng hình thức khen cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng so với năm trước (cấp cơ sở 50% trở lên, cấp tỉnh 30% trở lên). | 1,5 | | |
| b | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh, bộ, ngành khen thưởng về thành tích đột xuất. | 1,5 | | |

| 5 | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng | | 1 | | |
|-------------------------------|---|--------------|-------------|--------------|----------------|
| 6 | Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng. | | 1 | | |
| a | Có tổ chức bộ máy hoặc bố trí người làm công tác thi đua, khen thưởng theo quy định. | | 0,5 | | |
| b | Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt tập huấn, bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng. | | 0,5 | | |
| 7 | Chê độ thông tin báo cáo | | 2 | | |
| a | Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định | | 1 | | |
| b | Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định. | | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung III | | | 15 | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | DVT | Điểm thưởng | Điểm tự chấm | Điểm Khỏi chấm |
| 1 | Thưởng cho các đơn vị vượt kế hoạch tiêu chí I | < 5% ≥ 5% | 0,5 1 | | |
| 2 | Thưởng các đơn vị có xây dựng, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua riêng của đơn vị. | | 1 | | |
| 3 | Thưởng cho các đơn vị làm tốt công tác giới thiệu mô hình, phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến được tỉnh, bộ, ngành tặng bằng khen hoặc được đăng trên Công thông tin điện tử của tỉnh, bộ, ngành, Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa. | | 0,5 | | |
| 4 | Thưởng cho các đơn vị có tỷ lệ về khen thưởng cấp tỉnh và tương đương cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý cao hơn so với năm trước (bao gồm cả khen thưởng đột xuất, chuyên đề, thường xuyên) | | 0,5 | | |
| 5 | Thưởng cho đơn vị có cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" và tương đương trở lên hoặc có tập thể, cá nhân được khen thưởng Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen Chính phủ trở lên (tính thời điểm ký Quyết định). | | 1 | | |
| 6 | Thưởng cho đơn vị Khối trưởng, Khối phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua. - Đơn vị Khối trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khối phó (0,5 điểm) | | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung IV | | | 5 | | |
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | DVT | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Cựm chấm |
| 1 | Trừ điểm các đơn vị về thực hiện không tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở (theo đánh giá xếp loại của cơ quan có thẩm quyền). | | 1 | | |
| 2 | Trừ điểm đối với các đơn vị không tham gia đầy đủ các hoạt động của Khối thi đua. | | 1 | | |
| 3 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua cơ bản bộ chức (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương) bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên. | | 1 | | |
| 4 | Trừ điểm đối với các đơn vị thực hiện việc báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng chậm so với quy định. | | 1 | | |
| 5 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua đề xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng do lỗi của người sử dụng lao động. | | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung V | | | 5 | | |
| Tổng cộng | | | | | |

Phụ lục 7

Bảng chấm điểm của Khối thi đua các Trường Đại học, Cao đẳng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 28 tháng 1 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính | ĐVT | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
|----|---|------------------------|-------------|--------------|----------------|
| 1 | Công tác tuyển sinh đúng quy chế, đạt chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ được tính chỉ tiêu chính quy của mỗi trường). Hội đồng tuyển sinh không vi phạm quy chế tuyển sinh. | > 70% | 15 | | |
| 2 | Công tác đào tạo | | 10 | | |
| a | Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp (so với số học sinh, sinh viên dự thi tốt nghiệp và được tổ chức đúng theo quy chế) | >70% 50-70% <50% | 5 4 3 | | |
| b | Tỷ lệ học sinh sinh viên đạt từ khá trở lên (bao gồm tốt nghiệp và lên lớp), riêng Trường Dự bị ĐH Dân tộc Trung ương Nha Trang mức trung bình khá trở lên (các đơn vị thực hiện đúng theo quy chế đào tạo) | >25% 20-25% <20% | 5 4 3 | | |
| 3 | Đổi mới phương pháp giảng dạy và biên soạn bài giảng, tài liệu tham khảo | | 5 | | |
| a | Thực hiện phương pháp giảng dạy tích cực | | 3 | | |
| b | Biên soạn bài giảng và tài liệu tham khảo được Hội đồng khoa học cấp khoa trở lên công nhận | | 2 | | |
| 4 | Hội thi chuyên môn dành cho giáo viên và học sinh, sinh viên. | | 5 | | |
| 5 | Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và hợp tác đối ngoại | | 10 | | |
| a | Có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được Hội đồng khoa học, sáng kiến công nhận hoặc có các bài báo đăng trên các tạp chí, có tập san xuất bản | Cấp trường Cấp tỉnh | 3 5 | | |
| b | Triển khai hợp tác có hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước (hoặc cử cán bộ đi học, bồi dưỡng chuyên môn ở nước ngoài) | | 5 | | |
| 6 | Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ | | 5 | | |
| a | 80% CBGV đạt chuẩn theo quy định đối với mặt bằng đơn vị, có CBC, VC học sau đại học. | | 3 | | |
| b | Cử CBVC tham gia tập huấn nhiệm vụ chuyên môn, tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, quản lý nhà nước, lý luận chính trị, quản lý kinh tế | | 2 | | |
| 7 | Tổ chức công tác tự đánh giá và đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục/dạy nghề (Riêng Trường Dự bị đại học Dân tộc TW Nha Trang có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động liên quan đến công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) | | 5 | | |
| 8 | Công tác học sinh, sinh viên | | 5 | | |
| a | Quản lý tốt học sinh, sinh viên trong trường | | 3 | | |
| b | Quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho học sinh, sinh viên | | 2 | | |
| | Tổng điểm nội dung I | | 60 | | |

| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khỏi chấm |
|------------------------------|--|------------|--------------|----------------|
| 1 | Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | 3 | | |
| 2 | Tổ chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | 2 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định.</i> | 2 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 2 | | |
| c | <i>Tổ chức gặp mặt biểu dương gương điển hình tiên tiến hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 1 | | |
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyên hóa" trong nội bộ. | 4 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định.</i> | 2 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII)</i> | 2 | | |
| 5 | Tổ chức Công đoàn | 2 | | |
| a | <i>Xếp loại vững mạnh</i> | 2 | | |
| b | <i>Xếp loại khá</i> | 1 | | |
| 6 | Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 2 | | |
| a | <i>Xếp loại vững mạnh</i> | 2 | | |
| b | <i>Xếp loại khá</i> | 1 | | |
| 7 | Tổ chức Hội sinh viên | 2 | | |
| a | <i>Xếp loại Xuất sắc</i> | 2 | | |
| b | <i>Xếp loại Tiên tiến</i> | 1 | | |
| c | <i>Xếp loại Khá</i> | 0,5 | | |
| Tổng điểm nội dung II | | 20 | | |
| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khỏi chấm |
| 1 | Xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | 4 | | |
| a | <i>Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.</i> | 1 | | |
| b | <i>Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng.</i> | 1 | | |
| c | <i>Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT tại đơn vị.</i> | 1 | | |
| d | <i>Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tại đơn vị.</i> | 1 | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | |
| a | <i>Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do UBND tỉnh, bộ, ngành TW phát động và các phong trào thi</i> | 0,5 | | |

| | | | | |
|-------------------------------|--|--------------------|---------------------|-----------------------|
| | đưa do sơ, ban, ngành, UBMT Tô quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phát động | | | |
| b | Tham gia đóng góp, tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" | 0,5 | | |
| c | Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động Khôi | 0,5 | | |
| d | Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua | 0,5 | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | |
| a | Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến + Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm). + Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền (0,5 điểm). | 1 | | |
| b | Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mở các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của tại đơn vị, trên báo đài... | 1 | | |
| 4 | Công tác khen thưởng | 3 | | |
| a | Có tỷ lệ khen thưởng cho người trực tiếp lao động; viên chức và nhân viên không làm công tác quản lý bằng hình thức khen cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng so với năm trước (cấp cơ sở 50% trở lên, cấp tỉnh 30% trở lên). | 1,5 | | |
| b | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh, bộ, ngành khen thưởng về thành tích đột xuất. | 1,5 | | |
| 5 | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng | 1 | | |
| 6 | Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng. | 1 | | |
| a | Có tổ chức bộ máy hoặc bố trí người làm công tác thi đua, khen thưởng theo quy định. | 0,5 | | |
| b | Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt tập huấn, bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | |
| 7 | Chế độ thông tin báo cáo | 2 | | |
| a | Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định | 1 | | |
| b | Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định. | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung III | | 15 | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | Điểm thưởng | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |
| 1 | Thưởng các đơn vị có xây dựng, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua riêng của đơn vị | 1 | | |
| 2 | Thưởng cho các đơn vị làm tốt công tác giới thiệu mô hình, phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến được tỉnh, bộ, ngành tặng bằng khen hoặc được đăng trên Công thông tin điện tử của tỉnh, bộ, ngành, Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa. | 0,5 | | |
| 3 | Thưởng cho các đơn vị có tỷ lệ về khen thưởng cấp tỉnh và tương đương cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý cao hơn so với năm trước (bao gồm cả khen thưởng đột xuất, chuyên đề, thường xuyên). | 1 | | |
| 4 | Thưởng cho các đơn vị có đề tài/đề án nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh và tương đương trở lên đã được nghiệm thu và có quyết định phê duyệt kết quả đề tài/đề án; hoặc có tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh và tương đương trở lên | 0,5 | | |

| | | | | |
|------------------------------|--|-----------------|---------------------|-----------------------|
| 5 | Thường cho đơn vị có cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" và tương đương trở lên hoặc có tập thể, cá nhân được khen thưởng Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen Chính phủ trở lên (tính thời điểm ký Quyết định). | 1 | | |
| 6 | Thường cho đơn vị Khối trưởng, Khối phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua. - Đơn vị Khối trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khối phó (0,5 điểm) | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung IV | | 5 | | |
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Trừ điểm đối với các đơn vị không tham gia đầy đủ các hoạt động của Khối thi đua. | 1 | | |
| 2 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua có viên chức (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương) bị hình thức kỷ luật Khiển trách trở lên. | 2 | | |
| 3 | Trừ điểm các đơn vị về thực hiện không tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở (theo đánh giá xếp loại của cơ quan có thẩm quyền). | 1 | | |
| 4 | Có học sinh, sinh viên vi phạm kỷ luật, pháp luật, nhà trường không có những biện pháp giáo dục kịp thời dẫn đến ảnh hưởng uy tín nhà trường hoặc trật tự an toàn xã hội | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung V | | 5 | | |
| Tổng cộng | | | | |

Phụ lục 8

Bảng chấm điểm của Khối các đơn vị Quân đội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| TT | Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
|----|--|------------|--------------|----------------|
| 1 | Thực hiện tốt công tác lãnh đạo chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện công tác dân vận của đơn vị. | 30 | | |
| a | <i>Có xây dựng kế hoạch thực hiện công tác dân vận của đơn vị.</i> | 15 | | |
| b | <i>Triển khai lãnh đạo chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch công tác dân vận của đơn vị đạt kết quả tốt.</i> | 15 | | |
| 2 | Đánh giá kết quả các hoạt động công tác dân vận | 30 | | |
| a | <i>Tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa phương</i> | 10 | | |
| b | <i>Không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả các hình thức công tác Dân vận trong tình hình mới.</i> | 10 | | |
| c | <i>Thực hiện tốt công tác dân tộc, công tác tôn giáo trong tình hình mới.</i> | 10 | | |
| | Tổng điểm nội dung I | 60 | | |
| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | 5 | | |
| 2 | Tổ chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | 5 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định</i> | 2 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 2 | | |
| c | <i>Tổ chức gặp mặt biểu dương gương điển hình tiên tiến hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 1 | | |
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định.</i> | 3 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII)</i> | 2 | | |
| | Tổng điểm nội dung II | 20 | | |
| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng | 5 | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | |
| a | <i>Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi</i> | 0,5 | | |

| | | | | |
|-----------|--|--------------------|---------------------|-----------------------|
| | <i>đưa do UBND tỉnh phát động và các phong trào thi đua do sở, ban, ngành, UBMT Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phát động</i> | | | |
| <i>b</i> | <i>Tham gia đóng góp, tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"</i> | 0,5 | | |
| <i>c</i> | <i>Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động trong Khối.</i> | 0,5 | | |
| <i>d</i> | <i>Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua.</i> | 0,5 | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | |
| <i>a</i> | <i>Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến. + Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm) + Trong năm có điển hình, mô hình mới, nêu biểu được biểu dương, tuyên truyền (0,5 điểm).</i> | 1 | | |
| <i>b</i> | <i>Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mở các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của tại đơn vị, trên báo đài...</i> | 1 | | |
| 4 | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh, bộ, ngành khen thưởng về thành tích đột xuất. | 2 | | |
| 5 | Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng. | 2 | | |
| <i>a</i> | <i>Có tổ chức bộ máy hoặc hỗ trợ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.</i> | 1 | | |
| <i>b</i> | <i>Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt tập huấn về công tác thi đua, khen thưởng.</i> | 1 | | |
| 6 | Chế độ thông tin báo cáo | 2 | | |
| <i>a</i> | <i>Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định</i> | 1 | | |
| <i>b</i> | <i>Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định.</i> | 1 | | |
| | Tổng điểm nội dung III | 15 | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | Điểm thưởng | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Thưởng các đơn vị có xây dựng, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua riêng của đơn vị. | 2 | | |
| 2 | Thưởng cho các đơn vị làm tốt công tác "Đơn vị dân vận tốt"; "Dân vận khéo". | 1 | | |
| 3 | Thưởng cho các đơn vị tham gia có hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo theo Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa | 1 | | |
| 4 | Thưởng cho đơn vị Khối trưởng, Khối phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua. - Đơn vị Khối trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khối phó (0,5 điểm) | 1 | | |
| | Tổng điểm nội dung IV | 5 | | |
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Trừ điểm đối với các đơn vị không tham gia đầy đủ các hoạt động của Khối thi đua. | 1 | | |
| 2 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua có cán bộ (không phải Lãnh đạo, Chỉ huy các đơn vị Quân đội) bị hình thức kỷ luật Khiển trách. | 1 | | |
| 3 | Trừ điểm đối với các đơn vị thực hiện việc báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng chậm so với quy định. | 1 | | |
| 4 | Đơn vị chưa làm tốt công tác phối hợp với Công an, Quân sự, Bộ đội Biên phòng địa phương nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an | 1 | | |

| | | | | |
|---|---|----------|--|--|
| | ninh t \hat{o} qu \hat{o} c, tr \hat{a} t t \hat{y} an to \hat{a} n x \hat{a} h \hat{o} i trong t \hat{i} n h \hat{i} n m \hat{o} i. | | | |
| 5 | Đ \hat{o} n v \hat{i} ch \hat{u} a p \hat{o} i h \hat{o} p ch \hat{a} t ch \hat{e} v \hat{o} i đ \hat{i} a p \hat{h} u \hat{o} ng n \hat{a} m ch \hat{a} c t \hat{i} n h \hat{i} n nh \hat{a} m k \hat{i} p th \hat{o} i đ \hat{a} u tr \hat{a} n h, ng \hat{a} n ch \hat{a} n ho \hat{a} t đ \hat{o} ng c \hat{u} a c \hat{a} c th \hat{e} l \hat{y} c th \hat{u} đ \hat{i} ch x \hat{u} yen t \hat{a} c c \hat{a} i c \hat{a} m, m \hat{o} c n \hat{o} i, k \hat{i} ch đ \hat{o} ng; tr \hat{u} yen đ \hat{a} o tr \hat{a} i p \hat{h} ep. Ch \hat{u} a p \hat{o} i h \hat{o} p ch \hat{a} t ch \hat{e} v \hat{o} i c \hat{a} c ng \hat{a} n h ch \hat{u} c n \hat{a} ng c \hat{u} a t \hat{i} n h \hat{i} m; i \hat{o} t c \hat{o} ng t \hat{a} c tr \hat{u} yen tr \hat{u} yen Ngh \hat{i} quy \hat{e} t c \hat{u} a Đ \hat{a} ng v \hat{e} chi \hat{e} n l \hat{u} oc b \hat{a} o v \hat{e} T \hat{o} qu \hat{o} c trong t \hat{i} n h \hat{i} n m \hat{o} i v \hat{a} chi \hat{e} n l \hat{u} oc bi \hat{e} n Vi \hat{e} t Nam. | 1 | | |
| | T\hat{o}ng đ\hat{i}em n\hat{o}i d\hat{u}ng V | 5 | | |
| | T\hat{o}ng c\hat{o}ng | | | |

Phụ lục 9

Bảng chấm điểm Khôi thi đua các Viện, Phân viện Trung ương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| Nội dung I: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính | | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |
|---|--|-------------------|---------------------|-----------------------|
| 1 | Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao | 20 | | |
| 2 | Công tác nghiên cứu tham mưu cụ thể hóa kịp thời các quy định, chính sách, xây dựng các đề án, dự án...theo phân công của Bộ, ngành TW, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ. | 15 | | |
| 3 | Tổ chức vận động quần chúng và tổ chức các phong trào thi đua thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. | 10 | | |
| 4 | Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học. | 5 | | |
| 5 | Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, cải tiến lề lối làm việc. | 5 | | |
| 6 | Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí. | 5 | | |
| Tổng điểm nội dung I | | 60 | | |
| TT | Nội dung II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khôi chấm |
| 1 | Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. | 3 | | |
| 2 | Tổ chức phong trào thi đua yêu nước thiết thực, có nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao. | 3 | | |
| 3 | Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định.</i> | 2 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 2 | | |
| c | <i>Tổ chức gặp mặt biểu dương gương điển hình tiên tiến hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.</i> | 1 | | |
| 4 | Thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. | 5 | | |
| a | <i>Có văn bản, kế hoạch triển khai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII) và có báo cáo tình hình, kết quả triển khai theo quy định.</i> | 3 | | |
| b | <i>Có cách làm sáng tạo trong công tác tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (Khóa XII)</i> | 2 | | |
| 5 | Tổ chức Công đoàn | 2 | | |
| a | <i>Xếp loại vững mạnh.</i> | 2 | | |
| b | <i>Xếp loại khá</i> | 1 | | |
| 6 | Tổ chức Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 2 | | |
| a | <i>Xếp loại vững mạnh, xuất sắc.</i> | 2 | | |
| b | <i>Xếp loại vững mạnh</i> | 1 | | |

| Tổng điểm nội dung II | | 20 | | |
|------------------------|---|-------------|--------------|----------------|
| TT | Nội dung III: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | 4 | | |
| a | Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng | 1 | | |
| b | Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng. | 1 | | |
| c | Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT tại đơn vị. | 1 | | |
| d | Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tại đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua. | 2 | | |
| a | Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do các ngành Trung ương, tỉnh phát động | 0,5 | | |
| b | Tham gia đóng góp tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" | 0,5 | | |
| c | Tổ chức tốt các hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các hoạt động Khối. | 0,5 | | |
| d | Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua. | 0,5 | | |
| 3 | Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến | 2 | | |
| a | Có các văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến. + Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (0,5 điểm). + Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền (0,5 điểm). | 1 | | |
| b | Có Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc mở các chuyên trang, chuyên mục cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên Trang thông tin điện tử của tại đơn vị, trên báo đài... | 1 | | |
| 4 | Công tác khen thưởng | 3 | | |
| a | Có tỷ lệ khen thưởng cho người trực tiếp lao động: công chức, viên chức không làm công tác quản lý bằng hình thức khen cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng so với năm trước (cấp cơ sở 50% lên, cấp tỉnh 30% trở lên). | 1,5 | | |
| b | Có tập thể hoặc cá nhân được tỉnh, bộ, ngành khen thưởng về thành tích đột xuất. | 1,5 | | |
| 5 | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng | 1 | | |
| 6 | Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng. | 1 | | |
| a | Có tổ chức bộ máy hoặc bố trí công chức làm công tác thi đua, khen thưởng theo quy định. | 0,5 | | |
| b | Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các đợt tập huấn, bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng. | 0,5 | | |
| 7 | Chế độ thông tin báo cáo | 2 | | |
| a | Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định | 1 | | |
| b | Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định. | 1 | | |
| Tổng điểm nội dung III | | 15 | | |
| TT | Nội dung IV: Điểm thưởng | Điểm thưởng | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Thưởng các đơn vị có xây dựng, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua riêng của đơn vị. | 1 | | |
| 2 | Thưởng cho các đơn vị làm tốt công tác giới thiệu mô hình, phát | 0,5 | | |

| | | | | |
|-----------|--|-----------------|---------------------|-----------------------|
| | hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến được tỉnh, bộ, ngành tặng bằng khen hoặc được đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, bộ, ngành, Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa. | | | |
| 3 | Thưởng cho các đơn vị có tỷ lệ về khen thưởng cấp tỉnh và tương đương cho người trực tiếp lao động; công chức, viên chức không làm công tác quản lý cao hơn so với năm trước (bao gồm cả khen thưởng đột xuất, chuyên đề, thường xuyên) | 1 | | |
| 4 | Thưởng cho các đơn vị có đề tài/đề án nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh và tương đương trở lên đã được nghiệm thu và có quyết định phê duyệt kết quả đề tài/đề án; hoặc có tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên | 0,5 | | |
| 5 | Thưởng cho đơn vị có cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" và tương đương trở lên hoặc có tập thể, cá nhân được khen thưởng Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen Chính phủ trở lên (tính thời điểm ký Quyết định). | 1 | | |
| 6 | Thưởng cho đơn vị Khối trưởng, Khối phó làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua. - Đơn vị Khối trưởng (1 điểm) - Đơn vị Khối phó (0,5 điểm) | 1 | | |
| | Tổng điểm nội dung IV | 5 | | |
| TT | Nội dung V: Điểm trừ | Điểm trừ | Điểm tự chấm | Điểm Khối chấm |
| 1 | Trừ điểm đối với các đơn vị không tham gia đầy đủ các hoạt động của Khối thi đua. | 1 | | |
| 2 | Trừ điểm đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua có cán bộ, công chức, viên chức (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương) bị hình thức kỷ luật Khiển trách trở lên. | 2 | | |
| 3 | Trừ điểm các đơn vị về thực hiện không tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở (theo đánh giá xếp loại của cơ quan có thẩm quyền). | 1 | | |
| 4 | Trừ điểm đối với các đơn vị thực hiện việc báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng chậm so với quy định. | 1 | | |
| | Tổng điểm nội dung V | 5 | | |
| | Tổng cộng | | | |

